

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 95/2019/HS-ST.

Ngày: 25/11/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Chí Công – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Thanh T (tên gọi khác: T), sinh ngày 21/5/2001, tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Thanh T, sinh năm 1979 và bà: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1978;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.(Có mặt)

*** Đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Thị A (đã chết):** Bà Phạm Quảng Thảo N, sinh năm 1990 - Nơi cư trú: Thôn H, xã T H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (con ruột bà A); (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Nguyễn Thị Yển N, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1985 – Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1950 - Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 15/6/2019, bị cáo Trần Thanh T tự ý điều khiển xe mô tô biển số 86B3 – 454.83 (xe thuộc sở hữu của vợ chồng ông V, bà N, xe có dung tích xilanh 110cm³, bị cáo T không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2) lưu thông bên phải trên đường ĐT 719 hướng từ xã T H đi xã T T, khi đến Km 44+980m thuộc thôn H, xã T H, thị xã L là đoạn đường có biển báo nguy hiểm “Giao nhau với đường không ưu tiên”, “Đường bị hẹp hai bên” và có “Vạch kẻ đường báo hiệu đường dành cho người đi bộ cắt ngang màu vàng”, do thiếu chú ý quan sát nên xe mô tô do bị cáo T điều khiển đã đụng trúng bà Quảng Thị A đang đi bộ từ bên lề phải sang lề trái theo hướng xe bị cáo T chạy làm bà A té ngã xuống đường. Sau đó, bà A được đưa đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên đã tử vong vào ngày 16/6/2019.

* Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 196/2019/TT ngày 29/7/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bình Thuận kết luận nguyên nhân chết của bà Quảng Thị A như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa chấn thương, vết thương vùng cằm, lún xương sọ cằm.

2. Nguyên nhân chết:

- Chấn thương sọ não nặng -> Tử vong.

3. Kết luận khác: Không.

Về vật chứng vụ án: Là chiếc xe mô tô biển số 86B3 – 454.83 cùng giấy đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Thế V.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng số: 91/CT-VKS ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Thanh T, về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T, phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Trần Thanh T, mức án từ: 18 tháng đến 24 tháng tù.

- **Ý kiến của bị cáo Trần Thanh T:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bà Phạm Quảng Thảo N - là đại diện hợp pháp của bị hại:** Tại đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, về hình phạt đối với bị cáo thì xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông V, bà N không có ý kiến gì.**

* **Bị cáo Trần Thanh T nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bà Phạm Quảng Thảo N và ông Huỳnh Văn C.

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc vắng mặt bà Phạm Quảng Thảo N và ông Huỳnh Văn C không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ

thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, lời khai của bị cáo Trần Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 15/6/2019, bị cáo Trần Thanh T tự ý điều khiển xe mô tô biển số 86B3 – 454.83 (xe thuộc sở hữu của vợ chồng ông V, bà N, xe có dung tích xilanh 110cm³, bị cáo T không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2) lưu thông bên phải trên đường ĐT 719 hướng từ xã T H đi xã T, khi đến Km 44+980m thuộc thôn H, xã T H, thị xã L là đoạn đường có biển báo nguy hiểm “Giao nhau với đường không ưu tiên”, “Đường bị hẹp hai bên” và có “Vạch kẻ đường báo hiệu đường dành cho người đi bộ cắt ngang màu vàng”, do thiếu chú ý quan sát nên xe mô tô do bị cáo T điều khiển đã đụng trúng bà Quảng Thị A đang đi bộ từ bên lề phải sang lề trái theo hướng xe bị cáo T chạy làm bà A té ngã xuống đường gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong vào ngày 16/6/2019.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thanh T đã vi phạm khoản 1, 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ, cụ thể: *1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ; 4. Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.*

Mặt khác, xe mô tô biển số 86B3 – 454.83 có dung tích xilanh là 110 cm³ nhưng bị cáo T không có giấy phép lái xe theo quy định là vi phạm khoản 1 Điều 58 và điểm a khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ, cụ thể:

*- Khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ quy định: Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có **giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.***

- Điểm a khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ quy định: Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự thì “1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

*a) **Làm chết 01 người** hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;”

Đối chiếu với quy định trên vào nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 86B3 – 454.83 có dung tích xilanh là 110 cm³ nhưng không có giấy phép lái xe theo quy định và vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ làm chết 01 người đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Trần Thanh T nhận thức rõ xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ nhưng bị cáo xem thường các quy định của luật giao thông đường bộ nên đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông công cộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu do lỗi vô ý. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn tuy nhiên bị cáo cũng đã cố gắng bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại và được gia đình bị hại làm đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo Trần Thanh T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được việc sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ và cần phải có giấy phép lái xe theo quy định nhưng bất chấp. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Tuy nhiên, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ của khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, nhằm tạo điều kiện để cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, tu dưỡng, lao động trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong.

[8] Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60 triệu đồng, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vợ chồng anh V, chị N: Hội đồng xét xử xét thấy, do bị cáo T tự ý lấy và điều khiển xe mô tô biển số 86B3 – 454.83 nên vợ chồng anh V, chị N không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại Điều 264 Bộ luật hình sự, vì vậy Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:- Điểm a khoản 2 Điều 260, Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 24 (hai mươi bốn) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo Trần Thanh T thi hành án phạt tù.

Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/11/2019).

Riêng đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Thị Vũ Toàn